

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG
GIAO THÔNG LẠNG SƠN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	03 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	08-11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14- 32

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG LẠNG SƠN

Số 127 đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

TIẾP NHẬN HỒ SƠ
Ngày 31.12.2017

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Lạng Sơn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Lạng Sơn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900219747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 10 tháng 04 năm 2009, thay đổi lần 5 ngày 28 tháng 04 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là: 12.074.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Tương đương 1.207.400 cổ phần (Mệnh giá cổ phần 10.000 VND/CP).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Lương Duy Nhiệm	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20/03/2016
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03/04/2016
Bà Nguyễn Thị Vĩnh	Phó chủ tịch	
Ông Phạm Hữu Huân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/04/2016
Ông Hoàng Đình Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03/04/2016
Ông Vi Văn Dân	Thành viên	
Ông Trương Văn Trung	Thành viên	

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Lương Duy Nhiệm	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/03/2016
Ông Phạm Hữu Tuấn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/04/2016
Bà Nguyễn Thị Vĩnh	Phó Giám đốc	
Ông Hoàng Văn Tú	Phó Giám đốc	
Ông Vi Văn Dân	Phó Giám đốc	
Ông Lê Văn Cử	Phó Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Văn Hưng	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Dương	Ủy viên ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đăng Thung	Ủy viên ban kiểm soát

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại số 127, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2016 đính kèm.

5. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản Trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

7. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG LẠNG SƠN

Số 127 đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lạng Sơn, ngày 27 tháng 03 năm 2017

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn

Số: 30/2017/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Lạng Sơn

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Lạng Sơn**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Lạng Sơn được lập ngày 00 tháng 03 năm 2017 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 32 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Lạng Sơn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm ngày 31/12/2016, công nợ phải thu của ông Phạm Văn Thành trên sổ kế toán là: 138.338.729 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, bổ sung chúng tôi không có đủ cơ sở đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của khoản công nợ trên;
- Tại thời điểm ngày 31/12/2016, số tiền phải thu về tiền lương ứng trước từ những năm trước cho Đội Công trình số 1 còn tồn trên sổ kế toán là: 113.813.579 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, bổ sung chúng tôi không có đủ cơ sở đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của khoản phải thu này;
- Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ phải trả tại ngày 31/12/2016 nhưng chưa nhận được đầy đủ xác nhận. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không có đủ cơ sở về tính đúng đắn của các khoản mục công nợ phải trả của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Xuân Hoà

Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0909- 2015-242-1

Nguyễn Thị Huế

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2493-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG LẠNG SƠN

Số 127, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.752.701.470	36.895.716.562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.113.319.007	1.282.186.342
1. Tiền	111		3.113.319.007	1.282.186.342
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.267.403.945	30.749.996.934
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	36.163.673.320	25.658.639.520
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	385.309.815	766.034.315
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	5.4	4.809.625.239	4.398.483.708
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.6	(108.109.190)	(90.065.370)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		16.904.761	16.904.761
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	5.307.625.908	4.799.180.676
1. Hàng tồn kho	141		5.307.625.908	4.799.180.676
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.352.610	64.352.610
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	64.352.610	64.352.610
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.224.198.365	8.185.727.337
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG LẠNG SƠN

Số 127, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
II. Tài sản cố định	220	5.7	4.919.528.742	5.363.184.913
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4.919.528.742	5.363.184.913
- Nguyên giá	222		11.651.864.018	13.580.794.457
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.732.335.276)	(8.217.609.544)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.304.669.623	2.822.542.424
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.304.669.623	2.822.542.424
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		57.976.899.835	45.081.443.899

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.290.678.180	32.456.768.244
I. Nợ ngắn hạn	310		44.683.515.180	31.571.905.244
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	17.019.244.236	10.295.949.970
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	125.833.500	2.488.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.421.727.574	2.049.235.144
4. Phải trả người lao động	314		8.519.049.582	5.905.497.648
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	862.368.281	793.662.739
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	3.837.625.804	8.339.310.157
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	12.794.767.017	4.141.351.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		102.899.186	44.410.586
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		607.163.000	884.863.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	607.163.000	884.863.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.686.221.655	12.624.675.655
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	12.686.221.655	12.624.675.655
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.074.000.000	12.074.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.074.000.000	12.074.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		462.869.655	462.869.655
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		149.352.000	87.806.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		149.352.000	87.806.000
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		57.976.899.835	45.081.443.899

Lạng Sơn, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập



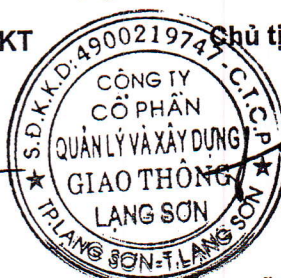
Trần Thị Mai Hân

Trưởng phòng TC-KT



Trần Thị Mai Hân

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	58.408.248.611	49.793.110.094
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		58.408.248.611	49.793.110.094
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	49.784.152.434	43.380.908.935
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.624.096.177	6.412.201.159
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	14.178.273	18.930.033
7. Chi phí tài chính	22	6.4	965.509.232	342.070.643
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		965.509.232	342.070.643
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	6.931.102.272	5.928.093.544
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		741.662.946	160.967.005
11. Thu nhập khác	31	6.5	396.031.343	12.026.569
12. Chi phí khác	32	6.6	690.520.831	22.364.906
13. Lợi nhuận khác	40		(294.489.488)	(10.338.337)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		447.173.458	150.628.668
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	227.538.858	38.058.586
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		219.634.600	112.570.082
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		181,91	93,23
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập



Trần Thị Mai Hân

Trưởng phòng TC-KT



Trần Thị Mai Hân

Lạng Sơn, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		53.808.625.349	55.093.359.900
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(43.305.241.372)	(33.691.155.480)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.931.797.000)	(9.228.695.500)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.227.520.811)	(338.922.938)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(38.058.586)	(70.090.238)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.083.874.166	2.441.319.063
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.354.465.098)	(13.895.131.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.964.583.352)	310.683.445
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(127.272.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		420.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		420.000.000	(127.272.727)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		24.507.162.022	7.518.051.105
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.131.446.005)	(9.384.301.005)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.375.716.017	(1.866.249.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.831.132.665	(1.682.839.182)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.282.186.342	2.965.025.524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.113.319.007	1.282.186.342

Lạng Sơn, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập

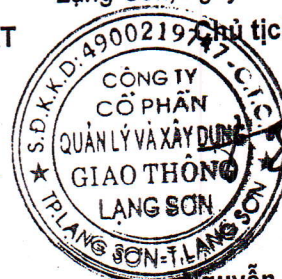
Trưởng phòng TC-KT





Trần Thị Mai Hân

Trần Thị Mai Hân



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Lạng Sơn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900219747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 10 tháng 04 năm 2009, thay đổi lần ba ngày 28 tháng 04 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là: 12.074.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng, sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Quản lý, duy tu, sửa chữa cầu, đường bộ, xây dựng các công trình đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Vận tải đường ống;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Đại lý du lịch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình giao thông, lập dự toán các công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Phá dỡ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn, môi giới, định giá sàn giao dịch bất động sản;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác quặng sắt;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác gỗ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy thi công công trình xây dựng;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cơ sở lưu giữ hàng hóa;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Dịch vụ thu phí đường bộ.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở đặt tại Số 127 đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Giá trị hàng tồn kho xác định theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
- Máy móc, thiết bị	05-25 năm
- Phương tiện vận tải	05-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-10 năm

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

Lợi thế thương mại được xác định và phân bổ theo quy định tại Thông tư 138/2013/TT-BTC ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4.8. Nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09 - DN

~~Các khoản phải trả tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hàng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.~~

~~Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.~~

4.9. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng, khế ước vay;

4.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

4.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí được trích trước bao gồm: lãi vay phải trả trong năm và chi phí bảo hành giữ lại của các công trình đã hoàn thành trong năm.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

(i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

(iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

(v) Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở để xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

4.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp hoàn thành trong kỳ.

4.15. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng và sản xuất của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	114.848.989	175.332.989
Tiền gửi ngân hàng	2.998.470.018	1.106.853.353
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Lạng Sơn	2.990.588.710	1.103.948.587
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	1.000.734	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Lạng Sơn	6.880.574	2.904.766
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	3.113.319.007	1.282.186.342

5.2 . Phải thu khách hàng

a) Phải thu khách hàng ngắn hạn

- Sở giao thông vận tải Lạng Sơn
- Các khách hàng khác

b, Phải thu khách hàng dài hạn

Cộng

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
	36.163.673.320	25.658.639.520
	29.263.145.000	21.654.206.000
	6.900.528.320	4.004.433.520
	-	-
Cộng	36.163.673.320	25.658.639.520

5.3 . Trả trước cho người

a, Ngắn hạn

- Công ty cổ phần công trình 207
- Công ty TNHH Công nghệ môi trường ATECH Việt Nam
- Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Minh Cường
- Công ty TNHH Quần vợt Đất nện
- Công ty CP Thương mại ĐT và XNK Vật tư Giao thông
- Các công ty khác

b, Dài hạn

Cộng

	31/12/2016	01/01/2016
	385.309.815	766.034.315
	-	528.765.000
	89.000.000	89.000.000
	76.677.200	76.677.200
	50.000.000	50.000.000
	133.304.500	-
	36.328.115	21.592.115
	-	-
Cộng	385.309.815	766.034.315

5.4 . Phải thu khác

a) Ngắn hạn

- Phải thu khác
- Tạm ứng
- Phải trả, phải nộp khác(dư Nợ)

b) Dài hạn

Cộng

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	4.809.625.239	-	4.398.483.708	-
	739.229.523	-	226.168.759	-
	3.932.056.987	-	4.001.743.987	-
	138.338.729	-	170.570.962	-
	-	-	-	-
Cộng	4.809.625.239	-	4.398.483.708	-

5.5 . Hàng tồn kho

Nguyên vật liệu

Công cụ, dụng cụ

Chi phí SXKD dở dang

Hàng gửi bán

Cộng

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	542.026.385	-	641.292.065	-
	133.271.700	-	119.937.700	-
	4.625.126.853	-	4.030.749.941	-
	7.200.970	-	7.200.970	-
Cộng	5.307.625.908	-	4.799.180.676	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG G
IAO THÔNG LẠNG SƠN
 Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

5.6 - Nợ xấu

Các khoản phải thu

+ Công ty TNHH Nhân Đức
 Bắc Ninh (*)

+ Xã nghiệp xây dựng công
 trình 36 Bộ Quốc phòng (**)

Cộng

(*) là khoản công nợ phải thu của Công ty

(**) là khoản công nợ phải thu của Xã nghiệp

uyệt minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không

NS 02-2011-03 20

ách rời của Báo cáo tài chính

IAO THÔNG LẠNG SƠN

Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Mẫu số B 09 - DN

theo)

		01/01/2016		Đơn vị tính : VND	
Mô tả	Độc	31/12/2016	01/01/2016	Giá gốc	Dự phòng
		Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi		
Các khoản phải thu					
+ Công ty TNHH Nhân Đức Bắc Ninh (*)	90				
+ Xã nghiệp xây dựng công trình 36 Bộ Quốc phòng (**)	17				
Cộng	108				
		219.100		90.219.100	(72.175.280)
		890.000		17.890.000	(17.890.000)
		1.109.100		108.109.100	(90.065.280)

TNIHH Nhân Đức Bắc Ninh tồn đọng từ năm 2010. Giá trị theo dõi công nợ: 90.219.100 VND.

ép xây dựng công trình 36 Bộ Quốc phòng tồn đọng từ năm 2010. Giá trị theo dõi công nợ: 17.890.000 VND.

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

5.7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						13.580.794.457
Số dư đầu năm	5.326.165.371	4.228.037.337	3.300.601.244	725.990.505		127.272.727
Tăng trong năm		127.272.727				127.272.727
- Mua trong năm		127.272.727				
- Tặng khác						
Giảm trong năm		1.148.178.384	509.890.000	398.134.782		2.056.203.166
- Thanh lý, nhượng bán		1.148.178.384	509.890.000			1.658.068.384
- Giảm khác				398.134.782		398.134.782
Số dư cuối năm	5.326.165.371	3.207.131.680	2.790.711.244	327.855.723		11.651.864.018
II. Giá trị hao mòn lũy kế						8.217.609.544
Số dư đầu năm	1.899.075.008	3.224.788.067	2.367.755.964	725.990.505		570.928.898
Tăng trong năm	153.145.128	220.831.890	196.951.880			570.928.898
- Số khấu hao trong năm	153.145.128	220.831.890	196.951.880			2.056.203.166
Giảm trong năm		1.148.178.384	509.890.000	398.134.782		1.658.068.384
- Thanh lý, nhượng bán		1.148.178.384	509.890.000			398.134.782
- Giảm khác				398.134.782		6.732.335.276
Số dư cuối năm	2.052.220.136	2.297.441.573	2.054.817.844	327.855.723		
III. Giá trị còn lại						5.363.184.913
1. Tại ngày đầu năm	3.427.090.363	1.003.249.270	932.845.280			4.919.528.742
2. Tại ngày cuối năm	3.273.945.235	909.690.107	735.893.400			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09-DN

5.8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

b) Dài hạn

- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, các khoản chi sửa chữa có giá trị lớn

- Giá trị lợi thế vị trí địa lý khi chuyển đổi doanh nghiệp sang hoạt động công ty Cổ phần

Cộng

	31/12/2016	01/01/2016
	-	-
	3.304.669.623	2.822.542.424
	1.943.169.623	1.188.742.424
	1.361.500.000	1.633.800.000
	3.304.669.623	2.822.542.424

5.9 . Phải trả người bán

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

- Doanh nghiệp Tư nhân Nguyễn Thành

- Công ty Cổ phần Công trình 207

Công ty Cổ phần Xây dựng Đông Bắc Lạng Sơn

- Phải trả cho các đối tượng khác

b) Các khoản phải trả người bán dài hạn

Cộng

d) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	17.019.244.236	17.019.244.236	10.295.949.970	10.295.949.970
	-	-	1.706.128.236	1.706.128.236
	2.198.202.663	2.198.202.663	-	-
	1.744.191.800	1.744.191.800	-	-
	13.076.849.773	13.076.849.773	8.589.821.734	8.589.821.734
	-	-	-	-
	17.019.244.236	17.019.244.236	10.295.949.970	10.295.949.970

5.10 . Người mua trả tiền trước

a, Ngắn Hạn

- Chi nhánh bảo hiểm AAA Hải Phòng

- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Nam Định

- Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Sơn

- Trung tâm Phát triển Quý đất Thành phố Lạng Sơn

b, Dài hạn

Cộng

	31/12/2016	01/01/2016
	125.833.500	2.488.000
	-	1.988.000
	-	500.000
	100.000.000	-
	25.833.500	-
	-	-
	125.833.500	2.488.000

5.11 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a) Phải nộp

- Thuế GTGT

- Thuế TNDN

- Thuế TNCN

- Thuế nhà đất, tiền thuê đất

- Thuế khác

Cộng

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	1.984.125.598	5.879.006.680	6.669.861.037	1.193.271.241
	38.058.586	227.538.858	38.058.586	227.538.858
	27.050.960	986.210	27.119.695	917.475
	-	30.849.572	30.849.572	-
	-	18.000.000	18.000.000	-
	2.049.235.144	6.156.381.320	6.783.888.890	1.421.727.574

b) Phải thu

- Thuế tài nguyên

- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

	01/01/2016	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2016
	23.900.660	-	-	23.900.660
	40.451.950	-	-	40.451.950
	64.352.610	-	-	64.352.610

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG LẠNG SƠN

Số 127, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2016	01/01/2016
5.12 . Chi phí phải trả	862.368.281	793.662.739
a, Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay bà Hoàng Thị Loan	-	262.080.314
- Chi phí bảo hành	862.368.281	433.222.425
- Chi phí phải trả khác	-	98.360.000
b, Dài hạn	-	-
Cộng	862.368.281	793.662.739
5.13 . Phải trả khác	3.837.625.804	8.339.310.157
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	64.749.541	179.037.000
- Bảo hiểm xã hội	7.839.121	-
- Phải trả chi phí xây lắp	2.631.398.408	6.908.397.423
+ <i>Đội công trình 1</i>	204.952.591	559.031.702
+ <i>Đội công trình 26</i>	249.130.329	227.459.329
+ <i>Hạt 1 thành phố Lạng Sơn</i>	95.049.725	118.608.875
+ <i>Hạt 2 Đình Lập</i>	124.883.553	43.620.553
+ <i>Hạt 4 Lộc Bình</i>	157.276.354	3.707.939.000
+ <i>Hạt 5 Văn Lãng</i>	500.380.575	772.508.160
+ <i>Hạt 6 Tràng Định</i>	336.679.294	97.060.602
+ <i>Hạt 7 Văn Quan</i>	143.551.000	240.415.200
+ <i>Hạt 8 Bình Gia</i>	286.429.520	18.305.000
+ <i>Hạt 9 Bắc Sơn</i>	27.935.447	38.157.000
+ <i>Hạt 10 Pắc Khuông</i>		82.793.350
+ <i>Hạt 12 Chi Lăng</i>	280.913.270	692.491.000
+ <i>Chu Thị Mai</i>	42.800.000	-
+ <i>Hoàng Việt Long</i>	12.380.000	-
+ <i>Hoàng Thị Ngự</i>	1.261.075	-
+ <i>Hoàng Thị Thê</i>	84.000.000	84.000.000
+ <i>Đội đảm bảo giao thông và xây dựng công trình 126</i>	83.775.675	181.828.652
+ <i>Vi Văn Dân</i>		8.932.000
+ <i>Lộc Thị Mai Loan</i>		7.543.000
+ <i>Hoàng Đình Duẩn</i>		27.704.000
- Phải trả khác	1.133.638.734	1.251.875.734
+ <i>Cổ tức Nhà nước năm 2010, 2011, 2012, 2013</i>	983.367.341	983.367.341
+ <i>Cổ tức các cổ đông Công ty 2012</i>	37.665.393	37.665.393
+ <i>Cổ tức các cổ đông Công ty 2013</i>	96.604.000	96.604.000
+ <i>Cổ tức các cổ đông Công ty 2014</i>	16.002.000	16.002.000
+ <i>Đội xe máy</i>	-	118.237.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.837.625.804	8.339.310.157

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 127, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

5.14 . Vay và nợ thuê tài chính

	Trong kỳ					Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	31/12/2016	Giảm trong năm	Tăng trong năm	Giá trị	
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng VND	12.794.767.017	12.794.767.017	15.890.496.005	24.543.912.022	4.141.351.000	4.141.351.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lạng Sơn	12.160.017.017	12.160.017.017	15.790.496.005	23.809.162.022	4.141.351.000	4.141.351.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Lạng Sơn (1)	-	-	1.234.576.000	1.234.576.000	1.234.576.000	1.234.576.000
Vay cá nhân VND	12.160.017.017	12.160.017.017	14.555.920.005	23.809.162.022	2.906.775.000	2.906.775.000
Nguyễn Thị Hà (2)	500.000.000	500.000.000	100.000.000	600.000.000	-	-
Trần Quang Huy	500.000.000	500.000.000	100.000.000	500.000.000	-	-
Vay dài hạn trả						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Lạng Sơn (3)	134.750.000	134.750.000	-	134.750.000	-	-
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Lạng Sơn (3)	607.163.000	607.163.000	375.700.000	98.000.000	884.863.000	884.863.000
Hoàng Thị Thanh Loan (4)	607.163.000	607.163.000	-	98.000.000	277.700.000	277.700.000
Cộng	13.401.930.017	13.401.930.017	16.266.196.005	24.641.912.022	5.026.214.000	5.026.214.000

tin dụng số 01/2016/704610/HĐTD ngày 14 tháng 10 năm 2016 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Lạng Sơn (1) Hợp đồng của hợp đồng là 40 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất được quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo bằng Tài sản của Công ty hoặc của bên thứ ba được thế chấp tại Ngân hàng.

(2) Hợp đồng vay cá nhân ngày 29/12/2016 ký với Bà Nguyễn Thị Hà với số tiền là 500 triệu đồng bằng tiền mặt, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày nhận tiền, lãi suất 1%/tháng (Nếu vay trong vòng 10 ngày thì tính lãi suất theo ngày là 0,05%/ngày) với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

(3) Hợp đồng vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay: trả tiền mua máy xúc bánh lốp cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Công nghệ Thái Dương. Tài sản đảm bảo là Máy đào bánh lốp Daewoo Solar 55W - Vsuper, giá trị: 636.000.000 VND. Giấy tờ gốc: Hợp đồng mua bán số 080113-HĐMB/TD-LS ngày 08/01/2013.

(4) Hợp đồng vay dài hạn cá nhân ngày 01/08/2012 ký với Bà Hoàng Thị Thanh Loan với số tiền là 1.150.000.000 đồng, thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay, lãi suất 0% với mục đích vay để sử dụng cho việc mua sắm 01 xe ô tô 7 cho ngôi Toyota Fortuner 2.7V.

thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG LẠNG SƠN

Số 127, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09-DN

5.15 . Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	12.074.000.000		462.869.655		58.852.773	12.595.722.428
Tăng vốn năm trước						-
Lãi trong năm trước					112.570.082	112.570.082
Tăng khác					1.147.227	1.147.227
Giảm vốn trong năm trước					-	-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác					84.764.082	84.764.082
Số dư cuối năm trước	12.074.000.000	-	462.869.655	-	87.806.000	12.624.675.655
Tăng vốn trong năm						-
Lãi trong năm					219.634.600	219.634.600
Tăng khác					-	-
Giảm vốn trong năm					-	-
Lỗ trong năm						-
Giảm khác (*)					158.086.600	158.086.600
Số dư cuối năm	12.074.000.000	-	462.869.655	-	149.354.000	12.686.223.655

(*) Chi tiết giảm vốn chủ sở hữu

- Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	78.086.600
- Ghi giảm chi phí Kết luận 11 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 12/5/2016.	80.000.000
Cộng	158.086.600

t minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG LẠNG SƠN

Số 127, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp nhà nước

Vốn góp đối tượng khác

Cộng

Tỷ lệ	31/12/2016	01/01/2016
73%	8.854.000.000	8.854.000.000
27%	3.220.000.000	3.220.000.000
100%	12.074.000.000	12.074.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu năm

- Vốn góp cuối năm

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

	2016	2015
	12.074.000.000	12.074.000.000
	12.074.000.000	12.074.000.000
	-	60.000.000

d) Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

	31/12/2016	01/01/2016
	1.207.400	1.207.400
	1.207.400	1.207.400
	1.207.400	1.207.400
	1.207.400	1.207.400
	1.207.400	1.207.400

e, Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế

Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016	2015
	219.634.600	112.570.082
	1.207.400	1.207.400
	181,91	93,23

f) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển

	31/12/2016	01/01/2016
	462.869.655	462.869.655

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu sửa chữa thường xuyên đường bộ

Doanh thu xây lắp, sửa chữa vừa và nhỏ

Doanh thu xây lắp, sửa chữa công trình bảo lũ

Doanh thu hoạt động xây lắp khác

Cộng

	2016	2015
	21.388.040.909	19.875.616.364
	33.532.269.091	14.923.444.090
	3.259.423.636	14.520.010.908
	228.514.975	474.038.732
	58.408.248.611	49.793.110.094

6.2 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hoạt động sửa chữa đường bộ

Giá vốn của hoạt động sửa chữa vừa và nhỏ

Giá vốn hoạt động xây lắp, sửa chữa công trình bảo lũ

Giá vốn hoạt động xây lắp khác

Phân bổ giá vốn của các công trình khác (kết luận 11)

	2016	2015
	17.221.412.890	17.383.228.723
	29.169.745.716	11.742.304.170
	2.923.031.613	13.295.544.579
	169.962.215	159.831.463
	300.000.000	800.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09-DN

6.3 . Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
Lãi tiền gửi, cho vay	14.178.273	18.930.033
Cộng	14.178.273	18.930.033

6.4 . Chi phí tài chính

	2016	2015
Lãi tiền vay	965.509.232	342.070.643
Cộng	965.509.232	342.070.643

6.5 . Thu nhập khác

	2016	2015
Thanh lý nhượng bán tài sản	381.818.181	-
Các khoản khác	14.213.162	12.026.569
Cộng	396.031.343	12.026.569

6.6 . Chi phí khác

	2016	2015
Nộp tiền theo Kết luận 11/KH-UBND ngày 19/05/2014	672.694.149	-
Các khoản khác	17.826.682	22.364.906
Cộng	690.520.831	22.364.906

6.7 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	6.932.433.165	6.112.697.434
- Chi phí nhân công	3.727.015.448	3.081.162.482
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.738.858.561	1.254.168.139
- Chi phí khác bằng tiền	1.024.992.904	1.085.277.744
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	441.566.252	692.089.069
b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	1.330.893	184.603.890
- Thu hồi khấu hao tài sản cố định đội CT26 (Khấu hao xe 12A - 00818)	-	184.548.000
- Các khoản ghi giảm khác	1.330.893	55.890
Cộng	6.931.102.272	5.928.093.544

6.8 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2016	2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	447.173.458	150.628.668
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	690.520.831	22.364.906
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Số lỗ được chuyển từ các năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.137.694.289	172.993.574
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	227.538.858	38.058.586

6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016	2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.370.893.744	19.354.906.302
Chi phí nhân công	21.372.323.332	17.808.443.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	633.528.898	923.272.220
Chi phí dự phòng	18.043.820	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.151.338.593	8.084.193.823
Chi phí bằng tiền khác	1.230.205.083	1.480.193.854
Cộng	57.776.333.470	47.651.010.181

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro về việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG LẠNG SƠN

Số 127, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2016			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.113.319.007		3.113.319.007
Phải thu khách hàng	36.163.673.320		36.163.673.320
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	4.809.625.239	-	4.809.625.239
Tài sản tài chính khác	64.352.610	3.304.669.623	3.369.022.233
Trừ			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	44.150.970.176	3.304.669.623	47.455.639.799
Ngày 31/12/2016			
Các khoản vay và nợ	12.794.767.017		12.794.767.017
Phải trả người bán	17.019.244.236		17.019.244.236
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	4.699.994.085		4.699.994.085
Tổng cộng	29.814.011.253		29.814.011.253
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.336.958.923	3.304.669.623	17.641.628.546
Ngày 01/01/2016			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.282.186.342		1.282.186.342
Phải thu khách hàng	25.658.639.520		25.658.639.520
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	4.398.483.708	-	4.398.483.708
Tài sản tài chính khác	64.352.610	2.822.542.424	2.886.895.034
Trừ			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	31.403.662.180	2.822.542.424	34.226.204.604
Ngày 01/01/2016			
Các khoản vay và nợ	-	884.863.000	884.863.000
Phải trả người bán	10.295.949.970		10.295.949.970
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	9.132.972.896		9.132.972.896
Tổng cộng	19.428.922.866	884.863.000	20.313.785.866
Chênh lệch thanh khoản thuần	11.974.739.314	1.937.679.424	13.912.418.738

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) **Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	40.973.298.559	30.057.123.228	40.973.298.559	30.057.123.228
<i>Tài sản tài chính khác</i>	3.369.022.233	2.886.895.034	3.369.022.233	2.886.895.034
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	3.113.319.007	1.282.186.342	3.113.319.007	1.282.186.342

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09-DN

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	12.794.767.017	884.863.000	12.794.767.017	884.863.000
Phải trả người bán	17.019.244.236	10.295.949.970	17.019.244.236	10.295.949.970
Phải trả khác	4.699.994.085	9.132.972.896	4.699.994.085	9.132.972.896
Tổng cộng	34.514.005.338	20.313.785.866	34.514.005.338	20.313.785.866

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 ngày 01/01/2016. Tuy nhiên Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8.2 Báo cáo bộ phận

8.6 Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan

b) Thu nhập chi trả trong năm cho viên chức quản lý chuyên trách và các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc :

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2016 (VND)
Lương Duy Nhiệm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (chuyển công tác ngày 20/03/2016)	63.750.000
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 03/04/2016)	225.000.000
Phạm Hữu Tuấn	Giám đốc - Ủy viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 03/04/2016)	216.000.000
Nguyễn Thị Vĩnh	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị - Phó giám đốc	104.644.000
Hoàng Văn Tú	Phó giám đốc	113.400.000
Lê Văn Cử	Phó giám đốc	113.400.000
Vì Văn Dân	Phó giám đốc - Ủy viên hội đồng quản trị	113.400.000
Trần Thị Mai Hân	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	109.782.000
Trương Văn Trung	Ủy viên Hội đồng quản trị	97.243.000
Hoàng Văn Hưng	Trưởng ban Kiểm soát	62.118.000
Hoàng Thị Dương	Ban kiểm soát	56.127.000
Nguyễn Đăng Thung	Ban kiểm soát	80.490.000
Cộng		1.355.354.000

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Lạng Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 Những thông tin khác

* / Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm	Năm 2016 VND
- Tổng lợi nhuận sản xuất kinh doanh trước thuế	747.173.458
- Điều chỉnh giảm kết quả kinh doanh theo Kết luận số 11/KL-UBND ngày 19/05/2014	300.000.000
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sau điều chỉnh	447.173.458
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế do chi phí không được trừ	690.520.831
- Tổng thu nhập tính thuế TNDN	1.137.694.289
- Tổng thuế TNDN phải nộp trong năm (20%)	227.538.858

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09-DN

* Tổng Nguồn vốn : 57.976.899.835 VNĐ, Trong đó:

- Nguồn vốn dành cho công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa đột xuất: 38.315.533.571 VNĐ
- Nguồn vốn dành cho công tác xây lắp các công trình nhỏ và vừa: 19.661.366.264 VNĐ

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Trần Thị Mai Hân

Trưởng phòng TC-KT



Trần Thị Mai Hân

Lạng Sơn, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn



UBND PHƯỜNG CHI LĂNG
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Quốc Thắng

